VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **09393/2025/PKQ/25.4977**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
Địa chỉ	Số 121 đường Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc	Nhà máy nước Đại Thắng. Địa chỉ: xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc	05/12/2025
Thời gian thử nghiệm	05/12/2025 - 26/12/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
				251205. NSH.021	
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,02
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0306	1,3
3	Bor (B) tính chung cho cả Borat và axit Boric(+)	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	2,4
4	Cadimi (Cd)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,003
5	Chì (Plumbum) (Pb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,01
6	Chromi (Cr)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,05
7	Đồng (Cuprum) (Cu)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	1
8	Kẽm (Zincum) (Zn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	2
9	Natri (Na)(+)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,018	200
10	Nhôm (Aluminium) (Al)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0835	0,2
11	Niken (Ni)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,07
12	Seleni (Se)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,04
13	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0002)	0,001
14	Xyanua (Cyanide) (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
15	1,1,1 - Trichloroethane ($C_2H_3Cl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,2)	2.000
16	1,2 - Dichloroethane ($C_2H_4Cl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	30
17	1,2 - Dichloroethene	µg/L	US EPA 8260D	KPH	50

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

	$(C_2H_2Cl_2)^{(+)}$			(LOD=0,5)	
18	Carbon tetrachloride $(CCl_4)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	2
19	Dichloromethane $(CH_2Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	20
20	Tetrachloroethene $(C_2Cl_4)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	40
21	Trichloroethene $(C_2HCl_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	8
22	Vinyl chloride $(C_2H_3Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,08)	0,3
23	Benzene $(C_6H_6)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	10
24	Ethylbenzene $(C_8H_{10})^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	300
25	Pentachlorophenol $(C_6HCl_5O)^{(+)}$	µg/ L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	9
26	Styrene $(C_8H_8)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	20
27	Toluene $(C_7H_8)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	700
28	Xylene $(C_8H_{10})^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	500
29	1,2-Dichlorobenzene $(C_6H_4Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	1.000
30	Monochlorobenzene $(C_6H_5Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	300
31	Tổng Trichlorobenzene $(C_6H_3Cl_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	20
32	Acrylamide $(C_3H_5NO)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
33	Epichlorohydrin $(C_3H_5ClO)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	0,4
34	Hexachlorobutadiene $(C_4Cl_6)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,07)	0,6
35	1,2 - Dibromo - 3 Chloropropane $(C_3H_5Br_2Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	1
36	1,2 - Dichloropropane $(C_3H_6Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	40
37	1,3 - Dichloropropene $(C_3H_4Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	20
38	2,4 - D $(C_8H_6Cl_2O_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
39	2,4 - DB $(C_{10}H_{10}Cl_2O_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90
40	Alachlor $(C_{14}H_{20}ClNO_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
41	Aldicarb $(C_7H_{14}N_2O_2S)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

42	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100
43	Carbofuran ($C_{12}H_{15}NO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
44	Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO_3PS$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
45	Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
46	Chlorotoluron ($C_{10}H_{13}ClN_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30
47	Cyanazine ($C_9H_{13}ClN_6$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
48	DDT ($C_{14}H_9Cl_5$) và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
49	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
50	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
51	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
52	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
53	MCPA ($C_9H_9ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
54	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
55	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
56	Molinate ($C_9H_{17}NOS$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
57	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
58	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
59	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$)(+)	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20
60	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
61	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
62	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
63	Bromat (BrO_3^-)(+)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10
64	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	60
65	Formaldehyde (CH_2O)(+)	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	500
66	Monochloramine (NH_2Cl)(+)	µg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=30)	3.000

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

67	Bromoform ($CHBr_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	100
68	Chloroform ($CHCl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	300
69	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	100
70	Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
71	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
72	Trichloroaxetonitril (C_2Cl_3N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
73	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
74	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50
75	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
76	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2021	KPH (LOD=0,02)	0,1
77	Tổng hoạt độ phóng xạ β(+)	Bq/L	TCVN 6219:2021	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 251205.NSH.021 - NSH: Mẫu tại bể chứa nước của Nhà máy nước Đại Thắng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: LK16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0886992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **09395/2025/PKQ/25.4979**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
Địa chỉ	Số 121 đường Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc	Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước của Nhà máy nước Đại Thắng trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng ông Nguyễn Văn Sử. Địa chỉ: Thôn Trung Ninh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc	05/12/2025
Thời gian thử nghiệm	05/12/2025 - 26/12/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 251205. NSH.019	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,02
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0295	1,3
3	Bor (B) tính chung cho cả Borat và axit Boric(+)	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	2,4
4	Cadimi (Cd)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,003
5	Chì (Plumbum) (Pb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,01
6	Chromi (Cr)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,05
7	Đồng (Cuprum) (Cu)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	1
8	Kẽm (Zincum) (Zn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	2
9	Natri (Na)(+)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,763	200
10	Nhôm (Aluminium) (Al)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0899	0,2
11	Niken (Ni)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,07
12	Seleni (Se)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,04
13	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0002)	0,001
14	Xyanua (Cyanide) (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
15	1,1,1 - Trichloroethane ($C_2H_3Cl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,2)	2.000
16	1,2 - Dichloroethane	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	30

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

	$(C_2H_4Cl_2)^{(+)}$				
17	1,2 - Dichloroethene $(C_2H_2Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	50
18	Carbon tetrachloride $(CCl_4)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	2
19	Dichloromethane $(CH_2Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	20
20	Tetrachloroethene $(C_2Cl_4)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	40
21	Trichloroethene $(C_2HCl_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	8
22	Vinyl chloride $(C_2H_3Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,08)	0,3
23	Benzene $(C_6H_6)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	10
24	Ethylbenzene $(C_8H_{10})^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	300
25	Pentachlorophenol $(C_6HCl_5O)^{(+)}$	µg/ L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	9
26	Styrene $(C_8H_8)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	20
27	Toluene $(C_7H_8)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	700
28	Xylene $(C_8H_{10})^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	500
29	1,2-Dichlorobenzene $(C_6H_4Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	1.000
30	Monochlorobenzene $(C_6H_5Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	300
31	Tổng Trichlorobenzene $(C_6H_3Cl_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	20
32	Acrylamide $(C_3H_5NO)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
33	Epichlorohydrin $(C_3H_5ClO)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	0,4
34	Hexachlorobutadiene $(C_4Cl_6)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,07)	0,6
35	1,2 - Dibromo - 3 Chloropropane $(C_3H_5Br_2Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	1
36	1,2 - Dichloropropane $(C_3H_6Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	40
37	1,3 - Dichloropropene $(C_3H_4Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	20
38	2,4 - D $(C_8H_6Cl_2O_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
39	2,4 - DB $(C_{10}H_{10}Cl_2O_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90
40	Alachlor $(C_{14}H_{20}ClNO_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

41	Aldicarb ($C_7H_{14}N_2O_2S$)(+)	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10
42	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100
43	Carbofuran ($C_{12}H_{15}NO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
44	Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO_3PS$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
45	Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
46	Chlorotoluron ($C_{10}H_{13}ClN_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30
47	Cyanazine ($C_9H_{13}ClN_6$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
48	DDT ($C_{14}H_9Cl_5$) và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
49	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
50	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
51	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
52	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
53	MCPA ($C_9H_9ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
54	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
55	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
56	Molinate ($C_9H_{17}NOS$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
57	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
58	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
59	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$)(+)	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20
60	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
61	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
62	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
63	Bromat (BrO_3^-)(+)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10
64	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	60
65	Formaldehyde (CH_2O)(+)	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	500

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

66	Monochloramine (NH_2Cl)(+)	µg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=30)	3.000
67	Bromoform ($CHBr_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	100
68	Chloroform ($CHCl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	300
69	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	100
70	Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
71	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
72	Trichloroaxetonitril (C_2Cl_3N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
73	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
74	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50
75	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
76	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2021	KPH (LOD=0,02)	0,1
77	Tổng hoạt độ phóng xạ β(+)	Bq/L	TCVN 6219:2021	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 251205.NSH.019 - NSH: Mẫu tại vòi nước trước khi chảy vào bể chứa của hộ dân.

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **09394/2025/PKQ/25.4978**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH
Địa chỉ	Số 121 đường Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc	Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước của Nhà máy nước Đại Thắng trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng ông Vũ Ngọc Thiệp. Địa chỉ: thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc	05/12/2025
Thời gian thử nghiệm	05/12/2025 - 26/12/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả 251205. NSH.020	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Antimon (Sb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,02
2	Bari (Ba)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0291	1,3
3	Bor (B) tính chung cho cả Borat và axit Boric(+)	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	2,4
4	Cadimi (Cd)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,003
5	Chì (Plumbum) (Pb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,01
6	Chromi (Cr)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,05
7	Đồng (Cuprum) (Cu)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	1
8	Kẽm (Zincum) (Zn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,01)	2
9	Natri (Na)(+)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,627	200
10	Nhôm (Aluminium) (Al)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,0931	0,2
11	Niken (Ni)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,07
12	Seleni (Se)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0005)	0,04
13	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (LOD=0,0002)	0,001
14	Xyanua (Cyanide) (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
15	1,1,1 - Trichloroethane ($C_2H_3Cl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,2)	2.000
16	1,2 - Dichloroethane	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	30

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

	$(C_2H_4Cl_2)^{(+)}$				
17	1,2 - Dichloroethene $(C_2H_2Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	50
18	Carbon tetrachloride $(CCl_4)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	2
19	Dichloromethane $(CH_2Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	20
20	Tetrachloroethene $(C_2Cl_4)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	40
21	Trichloroethene $(C_2HCl_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	8
22	Vinyl chloride $(C_2H_3Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,08)	0,3
23	Benzene $(C_6H_6)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	10
24	Ethylbenzene $(C_8H_{10})^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	300
25	Pentachlorophenol $(C_6HCl_5O)^{(+)}$	µg/ L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	9
26	Styrene $(C_8H_8)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	20
27	Toluene $(C_7H_8)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	700
28	Xylene $(C_8H_{10})^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	500
29	1,2-Dichlorobenzene $(C_6H_4Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	1.000
30	Monochlorobenzene $(C_6H_5Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	300
31	Tổng Trichlorobenzene $(C_6H_3Cl_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	20
32	Acrylamide $(C_3H_5NO)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
33	Epichlorohydrin $(C_3H_5ClO)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	0,4
34	Hexachlorobutadiene $(C_4Cl_6)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,07)	0,6
35	1,2 - Dibromo - 3 Chloropropane $(C_3H_5Br_2Cl)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,1)	1
36	1,2 - Dichloropropane $(C_3H_6Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	40
37	1,3 - Dichloropropene $(C_3H_4Cl_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	20
38	2,4 - D $(C_8H_6Cl_2O_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
39	2,4 - DB $(C_{10}H_{10}Cl_2O_3)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90
40	Alachlor $(C_{14}H_{20}ClNO_2)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
41	Aldicarb $(C_7H_{14}N_2O_2S)^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10
42	Atrazine $(C_8H_{14}ClN_5)$ và các dẫn xuất chloro-	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

	s-triazine(+)				
43	Carbofuran ($C_{12}H_{15}NO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
44	Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO_3PS$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
45	Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
46	Chlorotoluron ($C_{10}H_{13}ClN_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30
47	Cyanazine ($C_9H_{13}ClN_6$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
48	DDT ($C_{14}H_9Cl_5$) và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
49	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
50	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
51	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
52	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
53	MCPA ($C_9H_9ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
54	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
55	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
56	Molinate ($C_9H_{17}NOS$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
57	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
58	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
59	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$)(+)	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20
60	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
61	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
62	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
63	Bromat (BrO_3^-)(+)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10
64	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	60
65	Formaldehyde (CH_2O)(+)	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	500
66	Monochloramine (NH_2Cl)(+)	µg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=30)	3.000
67	Bromoform ($CHBr_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=0,5)	100
68	Chloroform ($CHCl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	300

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

69	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	KPH (LOD=1)	100
70	Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
71	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
72	Trichloroaxetonitril (C_2Cl_3N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
73	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
74	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50
75	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
76	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2021	KPH (LOD=0,02)	0,1
77	Tổng hoạt độ phóng xạ β(+)	Bq/L	TCVN 6219:2021	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 251205.NSH.020 - NSH: Mẫu tại vòi nước trước khi chảy vào bể chứa của hộ dân.

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH	VIỆN TRƯỞNG
KS. Trần Thị Thu Huế	TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.